HNUE JOURNAL OF SCIENCE
Social Sciences 2026, Volume 71, Issue 1, pp. 18-25
This paper is available online at https://hnuejs.edu.vn/ss
DOI: 10.18173/2354-1067.2026-0002

CHINA'S PUBLIC DIPLOMACY AND INTERNATIONAL PERCEPTION SHAPING STRATEGY IN THE BELT AND ROAD INITIATIVE AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Huang He Meng
Hanoi Open University, Ph.D. Candidate at Academy of Journalism and Communication, Hanoi, Vietnam
*Correspondence author: Huang He Meng
Email: huanghemeng8@gmail.com

Received August 17, 2025.
Revised September 17, 2025.
Accepted February 24, 2026.

Abstract. This article analyzes the dual role of the Belt and Road Initiative (BRI) as both a framework for promoting economic connectivity and a mechanism for shaping China's national image, disseminating its development model, and expanding its international influence. The study utilizes the theoretical framework of soft power and sharp power to evaluate the BRI's propaganda mechanisms, including the establishment of media networks, academic infiltration, and digital diplomacy. The findings suggest that the BRI has successfully created a multidimensional ecosystem of influence, transforming infrastructure projects into a tool for promoting China's vision and values. However, the initiative also poses potential challenges related to security, sovereignty, and debt risks for participating countries, especially Vietnam. Based on this analysis, the article proposes policy implications for Vietnam, emphasizing the importance of a cautious and balanced approach to maximize development opportunities while managing strategic risks and protecting core national interests.

Keywords: propaganda strategy, soft power, Belt and Road initiative, China, Vietnam.

CHIẾN LƯỢC TUYÊN TRUYỀN ĐỐI NGOẠI VÀ ĐỊNH HÌNH NHẬN THỨC QUỐC TẾ CỦA TRUNG QUỐC TRONG SÁNG KIẾN VÀNH ĐAI, CON ĐƯỜNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Huang He Meng
Trường Đại học Mở Hà Nội, NCS Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội, Việt Nam
*Tác giả liên hệ: Huang He Meng
Email: huanghemeng8@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/8/2025.
Ngày sửa bài: 17/9/2025.
Ngày nhận đăng: 24/2/2026.

Tóm tắt. Bài viết này phân tích vai trò kép của Sáng kiến Vành đai và con đường: vừa là động lực thúc đẩy kết nối kinh tế, vừa là phương tiện hữu hiệu để định hình hình ảnh quốc gia, lan tỏa mô hình phát triển và mở rộng ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc trên trường quốc tế. Nghiên cứu sử dụng khung lý thuyết về quyền lực mềm và quyền lực sắc bén để đánh giá các cơ chế tuyên truyền của BRI, bao gồm việc xây dựng mạng lưới truyền thông, thâm nhập học thuật, và ngoại giao số. Kết quả nghiên cứu cho thấy BRI đã thành công trong việc tạo dựng một hệ sinh thái ảnh hưởng đa chiều, biến các dự án hạ tầng thành công cụ quảng bá tầm nhìn và giá trị của Trung Quốc. Tuy nhiên, sáng kiến này cũng đặt ra những thách thức đáng kể về an ninh, chủ quyền và rủi ro nợ công đối với các quốc gia tham gia, đặc biệt là Việt Nam. Từ đó, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách quan trọng cho Việt Nam, nhấn mạnh sự cần thiết của một cách tiếp cận thận trọng, cân bằng, nhằm tối đa hóa cơ hội phát triển đồng thời giảm thiểu các rủi ro chiến lược và bảo vệ lợi ích quốc gia cốt lõi.

Từ khóa: chiến lược tuyên truyền, quyền lực mềm, sáng kiến Vành đai và con đường, Trung Quốc, Việt Nam.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cục diện chính trị và kinh tế toàn cầu đang chứng kiến những chuyển dịch sâu sắc và phức tạp, sự trỗi dậy của Trung Quốc như một cường quốc toàn diện đã trở thành một trong những hiện tượng nổi bật nhất của thế kỉ XXI. Kể từ khi khởi xướng vào năm 2013 đến nay, Sáng kiến "Vành đai, Con đường" (Belt and Road Initiative - BRI) không chỉ được biết đến như một dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khổng lồ nhằm tăng cường kết nối xuyên lục địa, mà còn là một chiến lược ngoại giao toàn diện, một biểu tượng của tầm nhìn chiến lược của Trung Quốc trong việc định hình trật tự thế giới mới. Tính đến nay, sau một thập kỉ triển khai, với sự tham gia của 149 quốc gia và hơn 30 tổ chức quốc tế, BRI đã vượt ra khỏi khuôn khổ thuần túy kinh tế để trở thành một công cụ đa diện trong chính sách đối ngoại và tuyên truyền toàn cầu của Trung Quốc [1]. Hiện Trung Quốc đang tận dụng triệt để quy mô và tầm vóc của BRI để "xây dựng Trung Quốc bình an được thúc đẩy vững chắc; vị thế và tầm ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc tiếp tục được nâng cao, phát huy vai trò lớn hơn trong quản trị toàn cầu" [2]. Việc này diễn ra trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, nơi thông tin và nhận thức đóng vai trò quyết định trong việc giành được sự ủng hộ và định hình trật tự quốc tế. Sự phân tích về BRI thường tập trung vào khía cạnh kinh tế, tài chính hoặc địa chính trị truyền thống, trong khi vai trò của nó như một công cụ tuyên truyền toàn cầu chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống trong bối cảnh chính trị học. Nhận diện cách thức Trung Quốc sử dụng BRI để "kể một câu chuyện hay về Trung Quốc" [3] là chìa khóa để hiểu rõ hơn về các chiến lược quyền lực của cường quốc này.

Một số công trình tiêu biểu về BRI có thể kể đến nghiên cứu của Christoph Nedopil [4] hay Ali Keya Anami [5] đã cung cấp dữ liệu định lượng và phân tích sâu sắc về quy mô đầu tư và những kết quả kinh tế đạt được. Đồng thời, các nghiên cứu về quyền lực mềm và tuyên truyền của Trung Quốc cũng đã phát triển mạnh mẽ, khám phá cách Trung Quốc sử dụng văn hóa, giáo dục và truyền thông để mở rộng ảnh hưởng. Tuy nhiên, một khoảng trống đáng kể tồn tại trong việc phân tích một cách có hệ thống cách thức BRI được tích hợp và sử dụng như một phương tiện tuyên truyền chủ đạo trong chiến lược ngoại giao công chúng của Trung Quốc, đặc biệt là sự chuyển dịch từ quyền lực mềm sang các biểu hiện của quyền lực sắc bén. Hơn nữa, việc đánh giá cụ thể những hàm ý chính sách của khía cạnh tuyên truyền này đối với các quốc gia tiếp nhận, đặc biệt là Việt Nam, vẫn còn cần được khai thác sâu hơn. Xuất phát từ vấn đề trên, bài viết được triển khai nhằm thực hiện ba mục tiêu chính. Thứ nhất, bài viết sẽ phân tích vai trò của BRI trong chiến lược tuyên truyền toàn cầu của Trung Quốc, đi sâu vào các cơ chế và phương tiện mà Bắc Kinh sử dụng để định hình nhận thức quốc tế, bao gồm việc xây dựng mạng lưới truyền thông như Mạng lưới tin tức về Sáng kiến Vành đai và con đường (Belt and Road News Network, BRNN), tuyên truyền học thuật thông qua các viện Khổng Tử và học bổng, cũng như thực hiện ngoại giao số và y tế trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Từ đó, tác giả đề xuất các hàm ý chính sách cụ thể và thiết thực cho Việt Nam để cân bằng giữa việc tận dụng cơ hội phát triển từ BRI và đối phó hiệu quả với các rủi ro về an ninh, chủ quyền và nợ công trong bối cảnh địa chính trị phức tạp hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phương pháp này để phân tích các thành phần cốt lõi của BRI (Vành đai kinh tế, Con đường Tơ lụa trên biển, Con đường Tơ lụa Kĩ thuật số) và các mục tiêu đa diện của nó (kinh tế, ngoại giao, an ninh). Sau đó, các khía cạnh này được tổng hợp để xây dựng bức tranh toàn cảnh về bản chất và mục đích tuyên truyền của sáng kiến, qua đó làm rõ mối liên hệ giữa các mục tiêu kinh tế và chính trị.

2.1.2. Phương pháp lịch sử và logic

Phương pháp này theo dõi tiến trình lịch sử của BRI từ khi khởi xướng năm 2013 đến nay, bao gồm các điều chỉnh chiến lược và thành tựu sau hơn một thập kỉ. Đồng thời gắn kết sáng kiến với các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế (hiện thực, tự do, Mác-xít mới, kiến tạo) để làm rõ bản chất chiến lược của nó.

2.1.3. Phương pháp so sánh

Phương pháp này để đánh giá tác động của BRI tại một số quốc gia Đông Nam Á giúp nhận diện sự đa dạng trong cách tiếp nhận BRI, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra đánh giá khách quan về cơ hội, thách thức đối với các bên liên quan, đặc biệt là Việt Nam.

2.2. Kết quả và phân tích

2.2.1. Mục tiêu chiến lược trong tuyên truyền đối ngoại của Trung Quốc thông qua Sáng kiến Vành đai, con đường

2.2.1.1. Mục tiêu của tuyên truyền đối ngoại

BRI là một khuôn khổ phát triển và hợp tác toàn diện, được xác định là chiến lược quốc gia của Trung Quốc tại Hội nghị toàn thể lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XVIII vào tháng 8 năm 2013. Mục tiêu chính của BRI là thúc đẩy kết nối hạ tầng, thương mại và tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, đằng sau mục tiêu kinh tế rõ ràng này là một mục tiêu chiến lược sâu xa hơn: hỗ trợ hiện thực hóa "Giấc mộng Trung Hoa" nhằm xây dựng "đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại toàn diện, thúc đẩy sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa" [7]. Để đạt được mục tiêu này, BRI được sử dụng như một phương tiện truyền thông đối ngoại hữu hiệu, nhằm định hình hình ảnh Trung Quốc là một quốc gia đáng tin cậy, có trách nhiệm và theo đuổi hợp tác cùng có lợi trên trường quốc tế.

Sự vận hành của BRI phản ánh một sự kết hợp độc đáo giữa hai khái niệm quan trọng trong quan hệ quốc tế: quyền lực mềm (Soft power) và quyền lực sắc bén (Sharp power). Ban đầu, BRI được giới thiệu như một biểu hiện của quyền lực mềm, dựa trên khả năng thu hút và thuyết phục các đối tác thông qua sự hấp dẫn của mô hình phát triển, giá trị chính trị và chính sách đối ngoại [8]. Trung Quốc đã nỗ lực xây dựng hình ảnh một đối tác hợp tác, cung cấp các hàng hóa công toàn cầu như cơ sở hạ tầng và kết nối, từ đó thúc đẩy sự phát triển chung.

Trong bối cảnh phân tích các chiến lược đối ngoại của các cường quốc, việc BRI không chỉ đơn thuần là một sáng kiến kinh tế đã trở thành một chủ đề quan trọng. Một số học giả và nhà phân tích phương Tây đã đề xuất và sử dụng khái niệm quyền lực sắc bén để cung cấp một lăng kính bổ sung cho việc nghiên cứu BRI [4], [5]. Khái niệm này không phải là một đánh giá tiêu cực, mà là một công cụ lý thuyết giúp phân biệt các hình thức quyền lực khác nhau mà một quốc gia có thể sử dụng. Quyền lực sắc bén được định nghĩa là một dạng quyền lực được sử dụng để gây ảnh hưởng và định hướng hành vi của các quốc gia khác thông qua việc thao túng thông tin, kiểm soát diễn ngôn và tạo ra sự phụ thuộc. Sự khác biệt cốt lõi của quyền lực sắc bén so với quyền lực mềm nằm ở bản chất của nó. Nếu quyền lực mềm dựa vào sự hấp dẫn tự nhiên của văn hóa, các giá trị và chính sách để thuyết phục đối tác một cách tự nguyện, thì quyền lực sắc bén lại tập trung vào việc định hình môi trường thông tin và nhận thức của các quốc gia mục tiêu một cách tinh vi và khó nhận biết hơn. Khái niệm này gợi nhắc đến các lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực, nơi lợi ích quốc gia và quyền lực được ưu tiên hàng đầu, và các công cụ được sử dụng có thể vượt ra ngoài khuôn khổ ngoại giao truyền thống.

2.2.1.2. Cơ chế và phương tiện truyền thông đối ngoại

BRI không chỉ là một kế hoạch kinh tế vĩ mô mà còn là một nền tảng chiến lược để thực hiện công tác truyền thông đối ngoại. Bằng cách tận dụng quy mô và tầm vóc của BRI, Trung Quốc đã xây dựng một bộ máy truyền thông tinh vi nhằm định hình hình ảnh quốc gia và khẳng định khả năng kết nối địa chính trị - kinh tế toàn cầu. Các cơ chế và phương tiện này hoạt động một

cách đồng bộ, tạo ra một hệ thống ảnh hưởng đa chiều, bao gồm từ truyền thông, học thuật cho đến ngoại giao số và y tế.

Mạng lưới truyền thông và quảng bá hình ảnh để tạo lập diễn ngôn toàn cầu

Để kiểm soát và định hướng diễn ngôn về BRI trên phạm vi quốc tế, Trung Quốc đã thiết lập BRNN. Sáng kiến này, do tờ báo uy tín Nhân dân nhật báo chủ trì, không chỉ là một kênh thông tin đơn thuần mà còn là một cơ chế hợp tác chiến lược giữa các hãng thông tấn. Số lượng thành viên của BRNN đã tăng đáng kể, từ 182 hãng tin ban đầu lên 218 hãng tin đến từ 101 quốc gia và vùng lãnh thổ [10, 11]. Sự mở rộng này cho thấy hiệu quả của mạng lưới trong việc thu hút sự tham gia và lan tỏa thông điệp của Trung Quốc.

BRNN được thiết kế với mục tiêu rõ ràng là "nói chuyện tích cực" về BRI [10]. Thay vì để các hãng tin quốc tế tự do diễn giải các dự án BRI, mạng lưới này cung cấp một nền tảng phối hợp, qua đó định hướng dư luận và lan tỏa một câu chuyện nhất quán về vai trò "nhà kiến tạo kết nối" của Trung Quốc trên trường quốc tế. Hoạt động của BRNN không chỉ giới hạn ở việc phân phối thông cáo báo chí hoặc các bài viết từ Nhân dân nhật báo, mà còn bao gồm các hội nghị thường niên, hội thảo chuyên đề và các chương trình đào tạo báo chí. Những hoạt động này không chỉ giúp các nhà báo nước ngoài tiếp cận thông tin chính thức mà còn tạo ra một diễn đàn để "trao đổi cùng tiếng nói" về các thành tựu và ý nghĩa của BRI [11]. Qua đó, Trung Quốc có thể chủ động định hình cách các dự án BRI được nhìn nhận, đồng thời giảm thiểu không gian cho những diễn giải tiêu cực hay thiếu minh bạch. Bằng cách vận hành mạng lưới thông tin toàn cầu có định hướng chính trị này, Trung Quốc đã thiết lập một kênh ảnh hưởng mềm nhưng hiệu quả, gắn kết hạ tầng truyền thông với mục tiêu chiến lược: duy trì và lan tỏa một câu chuyện về sự hợp tác cùng có lợi mà Trung Quốc là trung tâm.

Học thuật và văn hóa để xây dựng một không gian nhận thức chung toàn cầu

Chiến lược truyền thông đối ngoại của Trung Quốc không chỉ dừng lại ở truyền thông đại chúng mà còn thâm nhập sâu vào lĩnh vực học thuật và văn hóa để xây dựng một không gian nhận thức chung toàn cầu. Bằng cách quảng bá văn hóa và ngôn ngữ, Trung Quốc đã tạo ra một nền tảng vững chắc để lan tỏa các giá trị và quan điểm của mình một cách tự nhiên và bền vững.

Điểm nhấn của chiến lược này là việc thành lập Viện Khổng Tử. Đến nay, Trung Quốc đã thiết lập 1.074 lớp học và 512 Viện Khổng Tử tại 140 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 135 Viện và 129 lớp học tại 51 quốc gia thuộc BRI [12]. Những cơ sở này không chỉ dạy tiếng Trung mà còn tổ chức các hoạt động văn hóa, hội thảo học thuật và cung cấp các chương trình học bổng. Qua đó, Trung Quốc không chỉ nâng cao hình ảnh là một trung tâm tri thức và văn minh mà còn từng bước thiết lập một không gian nhận thức chung toàn cầu, nơi BRI được nhìn nhận như biểu tượng của hợp tác và cùng phát triển. Các sinh viên và học giả được tiếp cận với thông tin, tài liệu và quan điểm được định hướng từ Trung Quốc, từ đó hình thành một thế hệ có thiện cảm và hiểu biết sâu sắc về các chính sách của nước này. Điều này tạo ra một "mạng lưới tri thức" nhằm ủng hộ và bảo vệ các sáng kiến của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Hơn nữa, việc thiết lập quan hệ đối tác giáo dục với 188 quốc gia và vùng lãnh thổ, cùng với 2.331 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, cho thấy sự đầu tư toàn diện của Trung Quốc vào việc mở rộng ảnh hưởng học thuật. Các chương trình này không chỉ giúp Trung Quốc thu hút nhân tài mà còn là cầu nối để lan tỏa các giá trị cốt lõi của BRI, bao gồm "hợp tác đôi bên cùng có lợi", "kết nối" và "cộng đồng chung vận mệnh".

Ngoại giao số và y tế là công cụ tuyên truyền tích hợp

Trong thập niên đầu của BRI, Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào hai nhánh "quyền lực mềm" nhưng có sức chi phối dư luận lớn là Con đường tơ lụa kĩ thuật số (Digital Silk Road - DSR) và Con đường tơ lụa y tế (Health Silk Road - HSR) [13]. Hai nhánh này hoạt động như các công cụ tuyên truyền tích hợp, sử dụng công nghệ và y tế như "hàng hóa công" để củng cố hình ảnh quốc gia và gia tăng ảnh hưởng.

DSR chuyển trọng tâm sang hạ tầng số và đổi mới sáng tạo trong "thập niên thứ hai" của BRI. Các dự án DSR tập trung vào việc xây dựng mạng 4G/5G, cáp quang biển, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và các tiêu chuẩn kĩ thuật quan trọng như trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT) [14]. Việc này vừa kích hoạt thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu của Trung Quốc như Huawei và ZTE, vừa tạo ra một quỹ đạo phụ thuộc về công nghệ và chuẩn mực. Qua đó, Trung Quốc có thể gia tăng diễn ngôn thuận lợi về "kết nối số vì phát triển" tại các nước đang phát triển, đồng thời làm mờ đi các lo ngại về an ninh dữ liệu. DSR đóng khung câu chuyện BRI như một động lực hiện đại hóa số, định vị Trung Quốc là đối tác công nghệ đáng tin cậy.

Trong đại dịch COVID-19, HSR đã trở thành một công cụ truyền thông vô cùng mạnh mẽ. Trung Quốc đã sử dụng mạng lưới vận tải - logistics của BRI để cung cấp vật tư y tế, thiết bị xét nghiệm, đội ngũ chuyên gia và đặc biệt là vắc-xin (Sinopharm, Sinovac) cho hàng chục quốc gia [15]. Hoạt động này đã giúp Trung Quốc xây dựng hình ảnh "cường quốc có trách nhiệm" và củng cố ảnh hưởng trong các thể chế đa phương. Các lô hàng y tế và mũi tiêm vắc-xin không chỉ đáp ứng nhu cầu khẩn cấp mà còn tạo ra hiệu ứng truyền thông tích cực, được truyền thông hóa như bằng chứng thành công của BRI, từ "ngoại giao khẩu trang" đầu năm 2020 đến "ngoại giao vắc-xin" 2021-2022.

Khi đặt DSR và HSR trong tổng thể BRI, có thể thấy đây không chỉ là các tiểu dự án kĩ thuật hay y tế đơn lẻ. Chúng là các kênh ảnh hưởng tích hợp giữa hạ tầng, chuẩn mực và biểu tượng nhân đạo, nhằm xây dựng tính chính đáng và định vị Trung Quốc như nhà cung cấp giải pháp toàn cầu. Đây là một phần không thể thiếu của chiến lược truyền thông đối ngoại, hướng tới việc hiện thực hóa tầm nhìn về "cộng đồng cùng chung vận mệnh" và "cộng đồng chia sẻ tương lai" mà Trung Quốc đang theo đuổi.

2.2.1.3. Thách thức, rủi ro và điều chỉnh chiến lược truyền thông đối ngoại

Mặc dù chiến lược truyền thông đối ngoại gắn với BRI đã giúp Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng quốc tế và định hình diễn ngôn về hợp tác phát triển, quá trình triển khai cũng đối mặt với một số thách thức đáng kể liên quan trực tiếp đến hiệu quả và tính chính danh của các công cụ truyền thông này. Những thách thức đó xuất phát từ phản ứng của dư luận quốc tế, cạnh tranh diễn ngôn giữa các cường quốc, cũng như các nghi ngại về mục tiêu chính trị đằng sau các hoạt động ngoại giao công chúng.

Thứ nhất, những tranh luận về tính khách quan của mạng lưới truyền thông BRI.

Việc Trung Quốc xây dựng BRNN nhằm kết nối các cơ quan báo chí quốc tế đã giúp mở rộng khả năng lan tỏa thông tin về BRI trên phạm vi toàn cầu [10], [11]. Tuy nhiên, cơ chế hợp tác truyền thông này có thể tạo ra một diễn ngôn mang tính định hướng cao, trong đó các nội dung tích cực về BRI được ưu tiên quảng bá trong khi những thông tin phê bình hoặc hoài nghi ít được đề cập. Điều này khiến một bộ phận truyền thông và học giả phương Tây đặt câu hỏi về mức độ minh bạch và tính đa chiều của các nguồn thông tin liên quan đến BRI [4], [5]. Trong bối cảnh cạnh tranh thông tin quốc tế ngày càng gay gắt, việc duy trì sự cân bằng giữa quảng bá hình ảnh quốc gia và đảm bảo tính khách quan của truyền thông trở thành một thách thức quan trọng đối với chiến lược ngoại giao công chúng của Trung Quốc.

Thứ hai, những tranh luận học thuật liên quan đến vai trò của các thiết chế văn hóa – giáo dục.

Thông qua mạng lưới Viện Khổng Tử, chương trình học bổng và hợp tác giáo dục quốc tế, Trung Quốc đã xây dựng một hệ sinh thái giao lưu văn hóa và học thuật rộng lớn nhằm thúc đẩy sự hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa và chính sách phát triển của mình [12]. Tuy nhiên, các thiết chế này cũng trở thành chủ đề tranh luận về tự do học thuật và mức độ ảnh hưởng của nhà nước trong hoạt động giáo dục. Một số trường đại học đã xem xét lại hoặc điều chỉnh hình thức hợp tác với các Viện Khổng Tử nhằm đảm bảo tính độc lập trong nghiên cứu và giảng dạy [4], [5]. Những tranh luận này cho thấy rằng chiến lược truyền thông học thuật của Trung Quốc, mặc dù góp phần mở rộng giao lưu tri thức, vẫn phải đối mặt với những thách thức liên quan đến niềm tin và nhận thức của cộng đồng học thuật quốc tế.

Thứ ba, những lo ngại về hạ tầng số và chuẩn mực công nghệ trong ngoại giao số.

Trong khuôn khổ DSR, Trung Quốc đã thúc đẩy xây dựng hạ tầng viễn thông, mạng 5G, trung tâm dữ liệu và các nền tảng công nghệ tại nhiều quốc gia đối tác [13], [14]. Những dự án này giúp gia tăng khả năng kết nối số và thúc đẩy chuyển đổi số ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, đồng thời cũng xuất hiện các lo ngại về an ninh dữ liệu, tiêu chuẩn công nghệ và mức độ phụ thuộc vào hạ tầng kỹ thuật số do các doanh nghiệp Trung Quốc cung cấp. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ toàn cầu, đặc biệt giữa Trung Quốc và các cường quốc phương Tây, các dự án DSR thường trở thành tâm điểm của những tranh luận chính trị – an ninh liên quan đến quản trị không gian mạng và chủ quyền dữ liệu.

Thứ tư, những phản ứng khác nhau đối với ngoại giao y tế trong bối cảnh đại dịch.

Trong giai đoạn đại dịch COVID-19, HSR đã trở thành một công cụ quan trọng trong chiến lược truyền thông đối ngoại của Trung Quốc. Thông qua việc cung cấp vật tư y tế, thiết bị xét nghiệm và vắc-xin cho nhiều quốc gia, Trung Quốc đã xây dựng hình ảnh một đối tác tích cực trong hỗ trợ y tế toàn cầu [15]. Tuy nhiên, bên cạnh những đánh giá tích cực, một số ý kiến cho rằng hoạt động "ngoại giao vắc-xin" cũng mang yếu tố cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc trong lĩnh vực y tế toàn cầu. Sự khác biệt trong cách tiếp nhận của các quốc gia cho thấy rằng hiệu quả của ngoại giao y tế không chỉ phụ thuộc vào quy mô hỗ trợ mà còn gắn với mức độ tin cậy chính trị và khoa học trong cộng đồng quốc tế.

Chiến lược truyền thông đối ngoại gắn với BRI không chỉ là quá trình quảng bá hình ảnh quốc gia mà còn là một cuộc cạnh tranh diễn ngôn trong không gian chính trị và thông tin toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc đang từng bước điều chỉnh cách tiếp cận truyền thông theo hướng nhấn mạnh tính minh bạch, hợp tác đa phương và phát triển bền vững, đồng thời tiếp tục sử dụng các kênh truyền thông, học thuật và công nghệ như những công cụ quan trọng để củng cố ảnh hưởng quốc tế của mình.

2.2.2. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Từ việc nhận diện BRI như một công cụ truyền thông đối ngoại và định hình nhận thức quốc tế của Trung Quốc, hàm ý chính sách đối với Việt Nam cần được tiếp cận không chỉ ở phương diện hợp tác phát triển, mà còn ở phương diện quản trị thông tin, tự chủ học thuật, an ninh công nghệ và năng lực truyền thông đối ngoại quốc gia.

Thứ nhất, tăng cường năng lực quản trị truyền thông số, dữ liệu và ngoại giao công nghệ

Trong giai đoạn mới, chiến lược truyền thông đối ngoại của Trung Quốc ngày càng gắn chặt với DSR, nơi hạ tầng số không chỉ là công cụ phát triển kinh tế mà còn là phương tiện mở rộng ảnh hưởng về chuẩn mực công nghệ, không gian thông tin và kết nối dữ liệu. Điều này đặt ra cho Việt Nam yêu cầu phải tiếp cận hợp tác số với tư duy an ninh chiến lược, thay vì chỉ nhìn nhận dưới góc độ tiện ích kỹ thuật hoặc thương mại. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng cơ chế thẩm định nghiêm ngặt đối với các dự án hợp tác số có yếu tố nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như viễn thông, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số và hạ tầng kết nối xuyên biên giới. Việc lựa chọn công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật và đối tác triển khai phải gắn với yêu cầu bảo đảm chủ quyền số, an ninh mạng và an toàn dữ liệu quốc gia. Cùng với đó, Việt Nam cần chủ động phát triển năng lực công nghệ nội sinh, nâng cao khả năng thiết lập tiêu chuẩn, quản trị dữ liệu và giám sát nền tảng số, để không rơi vào trạng thái phụ thuộc về công nghệ hay bị chi phối bởi các chuẩn mực bên ngoài.

Thứ hai, tiếp cận có chọn lọc đối với hợp tác học thuật, văn hóa và giáo dục

Một trong những kênh quan trọng trong chiến lược truyền thông đối ngoại của Trung Quốc là mở rộng ảnh hưởng thông qua Viện Khổng Tử, học bổng, hợp tác giáo dục và trao đổi học thuật. Đối với Việt Nam, đây vừa là cơ hội để mở rộng giao lưu nhân văn, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và tiếp cận nguồn lực đào tạo, vừa là lĩnh vực cần được quản trị chặt chẽ nhằm bảo đảm nguyên tắc độc lập học thuật, tự chủ giáo dục và an ninh văn hóa – tư tưởng. Theo đó, Việt Nam

nên tiếp tục thúc đẩy hợp tác giáo dục và nghiên cứu với Trung Quốc trên tinh thần bình đẳng, minh bạch và tôn trọng lẫn nhau, nhưng cần đặt hợp tác này trong khuôn khổ quản trị rõ ràng. Các chương trình trao đổi học giả, sinh viên, nghiên cứu chung hay phổ biến ngôn ngữ – văn hóa cần được thiết kế theo hướng tăng cường hiểu biết học thuật thực chất, tránh để hợp tác giáo dục trở thành kênh tiếp nhận một chiều về diễn ngôn chính trị hay mô hình phát triển. Đồng thời, Việt Nam cần đầu tư mạnh hơn cho nghiên cứu Trung Quốc học, nghiên cứu khu vực học và nghiên cứu truyền thông quốc tế, để xây dựng đội ngũ chuyên gia có khả năng phân tích sâu sắc các chiến lược ảnh hưởng từ bên ngoài.

Thứ ba, xây dựng chiến lược truyền thông đối ngoại độc lập, hiện đại và có bản sắc Việt Nam

Việt Nam cần xây dựng được một chiến lược truyền thông đối ngoại độc lập, chuyên nghiệp và có sức thuyết phục quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng dựa nhiều vào thông tin, hình ảnh và diễn ngôn, một quốc gia nếu không có năng lực tự kể câu chuyện phát triển của mình thì rất dễ bị lấn át trong không gian nhận thức toàn cầu. Theo hướng đó, Việt Nam cần đầu tư mạnh hơn cho các nền tảng truyền thông quốc tế, các sản phẩm tri thức bằng ngoại ngữ, các chương trình giao lưu học thuật – văn hóa có chất lượng, cũng như đội ngũ chuyên gia có khả năng hoạt động trong môi trường truyền thông toàn cầu. Bên cạnh đó, cần gắn truyền thông đối ngoại với các thành tựu thực chất của đất nước trong phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, đổi mới sáng tạo và bảo vệ chủ quyền. Khi có được một nền truyền thông đối ngoại đủ mạnh, Việt Nam không chỉ nâng cao sức đề kháng trước các chiến lược ảnh hưởng từ bên ngoài, mà còn chủ động khẳng định vị thế và tiếng nói của mình trong khu vực và trên thế giới.

3. Kết luận

Chiến lược tuyên truyền đối ngoại của Trung Quốc thông qua BRI được vận hành chủ yếu qua ba nhóm cơ chế nổi bật. *Thứ nhất,* mạng lưới truyền thông, tiêu biểu là BRNN, góp phần hình thành và khuếch tán một diễn ngôn quốc tế thuận lợi về vai trò của Trung Quốc như một "nhà kiến tạo kết nối" và "đối tác phát triển có trách nhiệm". *Thứ hai*, các thiết chế học thuật, văn hóa và giáo dục, như Viện Khổng Tử, các chương trình học bổng và liên kết đào tạo, giúp Trung Quốc xây dựng không gian nhận thức có lợi cho việc quảng bá mô hình phát triển, giá trị và tầm nhìn chiến lược của mình. *Thứ ba*, ngoại giao số và ngoại giao y tế, thể hiện qua DSR và HSR, qua đó Trung Quốc lồng ghép hạ tầng công nghệ, hỗ trợ y tế và biểu tượng nhân đạo vào một chiến lược ảnh hưởng tổng hợp nhằm củng cố tính chính đáng và khả năng hiện diện quốc tế của mình. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy hiệu quả của chiến lược này không phải không có giới hạn. Chính quá trình mở rộng ảnh hưởng thông qua truyền thông, học thuật, công nghệ và y tế đã làm nảy sinh nhiều tranh luận về tính khách quan của thông tin, mức độ độc lập học thuật, an ninh dữ liệu, chủ quyền số và động cơ chính trị đằng sau các hoạt động ngoại giao công chúng. Điều đó cho thấy BRI, khi được xem xét từ góc độ chính trị học, không chỉ là biểu hiện của quyền lực mềm dựa trên sức hấp dẫn, mà trong nhiều trường hợp còn mang đặc điểm của quyền lực sắc bén, tức là định hình môi trường nhận thức và không gian thông tin của các quốc gia tiếp nhận theo hướng có lợi cho Trung Quốc.

Từ góc độ Việt Nam, ý nghĩa chính sách của nghiên cứu không nên chỉ dừng lại ở việc đánh giá cơ hội hay rủi ro kinh tế của BRI nói chung, mà cần được mở rộng sang việc nhận diện và ứng phó với các tác động của chiến lược truyền thông đối ngoại gắn với sáng kiến này. Trong bối cảnh môi trường an ninh phi truyền thống và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn ngày càng diễn ra mạnh mẽ trên mặt trận thông tin, Việt Nam cần xây dựng cách tiếp cận chủ động, tỉnh táo và có chọn lọc. Điều này đòi hỏi phải đồng thời tăng cường năng lực quản trị truyền thông số, bảo vệ chủ quyền dữ liệu và an ninh công nghệ; tiếp cận hợp tác học thuật, văn hóa và giáo dục với Trung Quốc trên nguyên tắc minh bạch, bình đẳng và giữ vững tự chủ học thuật; đồng thời xây dựng một chiến lược truyền thông đối ngoại độc lập, hiện đại và có bản sắc Việt Nam để chủ động tham gia vào quá trình định hình nhận thức khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] NT Hà, (2024). Sáng kiến "vành đai, con đường" của Trung Quốc: Một thập kỉ nhìn lại. *Tạp chí Lí luận chính trị điện tử.* Truy cập từ https://lyluanchinhtri.vn/sang-kien-vanh-dai-va-con-duong-cua-trung-quoc-va-co-hoi-thach-thuc-doi-voi-viet-nam-2299.html

[2] Đảng Cộng sản Trung Quốc, (2022), Toàn văn báo cáo tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XX. http://hochiminhcity.china-consulate.gov.cn/xwdt/202210/t20221026_10792286.html.

[3] NTT Giang, (2024). Kinh nghiệm của Trung Quốc trong phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng, chế độ chính trị. *Lí luận chính trị và Truyền thông*, (01/2023)

[4] Christoph N, (2023). *China Belt and Road Initiative (BRI) Investment Report 2023 H1*. ResearchGate. https://doi.org/10.13140/RG.2.2.13892.19841

[5] Ali Keya Anami, (2024). China's Belt and Road Initiative (BRI) and its role in developing Africa's economies. Case study: Kenya's Standard Gauge Railway (SGR). *Magna Scientia Advanced Research and Reviews,* 10(1), 001–013. https://doi.org/10.30574/msarr.2024.10.1.0152

[6] NT Quý, (2024). Sáng kiến "Vành đai và Con đường" của Trung Quốc và một số kiến nghị hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học Việt - Trung. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(02), 67–73. https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410211

[7] Đảng Cộng sản Trung Quốc (2022), Toàn văn báo cáo tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XX. http://hochiminhcity.china-consulate.gov.cn/xwdt/202210/t20221026_10792286.html.

[8] Voon JP & Xu X, (2020). Impact of the Belt and Road Initiative on China's soft power: preliminary evidence. *Asia-Pacific Journal of Accounting & Economics*, 27(1), 120–131. https://doi.org/10.1080/16081625.2020.1686841

[9] Oliveira GdLT, Murton G, Rippa A, Harlan T & Yang Y, (2020). China's Belt and Road Initiative: Views from the ground. *Political Geography*, 82, 102225. https://doi.org/10.1016/j.polgeo.2020.102225

[10] People's Daily, (2019). Belt and Road News Network. Truy cập từ https://peoplesdaily.pdnews.cn/about-brnn/er/30001308800

[11] People's Daily Online, (2022). BRNN facilitates media cooperation along Belt and Road. People's Daily Online. Truy cập từ https://en.people.cn/n3/2022/1219/c90000-10185831.html

[12] NT Quý, (2024). Sáng kiến "Vành đai và Con đường" của Trung Quốc và một số kiến nghị hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học Việt - Trung. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 20(02), 67–73. https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410211

[13] China Global Competition Tracker, (2024, 27 tháng 3). The Digital Silk Road: A growing priority for Beijing as its tech champions expand overseas (No. 1, March 2024). https://merics.org/en/tracker/digital-silk-road-growing-priority-beijing-its-tech-champions-expand-overseas?utm_source=chatgpt.com

[14] Xinhua, (2023, October 11). Key takeaways from BRI white paper. Truy cập từ https://english.news.cn/20231011/530a2118742b450c954e7d4d7f5756a5/c.html

[15] HH Anh, (2024). Mười năm Sáng kiến "Vành đai, Con đường": Thực trạng và triển vọng. *Tạp chí Cộng sản điện tử.* Truy cập từ https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/muoi-nam-sang-kien-vanh-dai-con-duong-thuc-trang-va-trien-vong-150771